

PHỤ LỤC
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ BỔ NHIỆM, XẾP LƯƠNG VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Kèm theo Công văn số 3108/SGDDĐT-TCCB ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

I. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN). - Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hạng CDNN. 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 5, không còn quy định chứng chỉ	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp “Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp <i>1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục mầm non.</i> <i>2. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước trẻ em.</i> <i>3. Yêu nghề, thương yêu trẻ em; biết quản lý cảm xúc; đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.</i> <i>4. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.”</i> 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: “b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	chức danh nghề nghiệp theo từng hạng, chỉ còn 01 chứng chỉ dùng chung cho tất cả các hạng CDNN. 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ - Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 3, thay thế nội dung “Thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non” - Sửa đổi điểm đ khoản 4 Điều 3, điểm d khoản 4 Điều 4, điểm d khoản 4 Điều 5, thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số. 4. Về thành tích minh chứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: - Sửa đổi điểm đ khoản 4 Điều 4 - Sửa đổi điểm đ khoản 4 Điều 5 5. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III “từ đủ 09 năm...” thành “từ đủ 03 năm...” và thời gian tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ.	3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ - “b) Có kiến thức, kỹ năng trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; có khả năng sư phạm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực hiện chương trình giáo dục mầm non.” - “Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;” 4. Về thành tích minh chứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: bổ sung thêm các thành tích khác được cấp thẩm quyền công nhận, cụ thể: “đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp huyện trở lên;” “đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp tỉnh trở lên.” 5. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - “e) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	- Sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 5, điều chỉnh thời gian giữ hạng II “từ đủ 06 năm...” thành “từ đủ 09 năm...” và thời gian tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. 6. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non: sửa đổi toàn văn Điều 7, trong đó bỏ nội dung bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non hạng II chưa đạt tiêu chuẩn vào giáo viên mầm non hạng III và bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non đã trúng tuyển đối với giáo viên tuyển mới sau khi hết thời gian tập sự, được đánh giá đạt yêu cầu. 7. Về điều khoản chuyển tiếp: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Quy định giáo viên chưa đáp ứng điều kiện thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. - Quy định giáo viên chưa đáp ứng chuẩn	- “e) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.” 6. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non “Điều 7. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non 1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT như sau: a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đối với giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26); b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) đối với giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05); c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) đối với giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04). 2. Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) khi được xác định là người trúng tuyển trong kì thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng II lên hạng I.” 7. Điều khoản chuyển tiếp: “Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Trường hợp giáo viên mầm non chưa đáp ứng điều kiện để được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện đang được xếp theo Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. 2. Trường hợp giáo viên mầm non chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, nhưng không thuộc đối tượng nâng chuẩn của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi nghỉ hưu. 8. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 10, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp. - Giảm thời gian giữ CDNN giáo viên hạng II đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I. 9. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 11, xác định Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT không là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11, không	<i>Điều 72 Luật Giáo dục 2019 nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh giáo viên mầm non hiện đang được xếp cho đến khi nghỉ hưu.”</i> 8. Về điều khoản áp dụng: “Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) hoặc giữ ngạch giáo viên mầm non cao cấp (mã số 15a.205) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25). 2. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05) hoặc giữ ngạch giáo viên mầm non chính (mã số 15a.206) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26). 3. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) hoặc giữ ngạch giáo viên mầm non (mã số 15.115) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên mầm non theo Luật Giáo dục 2019. 4. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên mầm non hạng I và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương <u>đủ từ 06 (sáu) năm trở lên</u> tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.” 9. Về tổ chức thực hiện “1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT là căn cứ thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.” “a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên mầm non trong

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	<i>trường mầm non công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;</i>

II. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập (Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN). - Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5: về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hạng CDNN. 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 5, không còn quy định chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo từng hạng, chỉ còn 01 chứng chỉ dùng chung cho tất cả các	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp “Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp 1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục tiểu học. 2. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh. 3. Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. 4. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.” 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - “b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	hạng CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 5, không còn yêu cầu trình độ thạc sỹ đối với giáo viên tiểu học hạng I. 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: sửa đổi điểm g khoản 4 Điều 3, điểm g khoản 4 Điều 4, điểm đ khoản 4 Điều 5, thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số. 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm i khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. - Sửa đổi điểm g khoản 4 Điều 5, điều chỉnh thời gian giữ hạng II tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. 5. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: sửa đổi toàn văn Điều 7, trong đó bỏ nội dung bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp	- “a) Có bằng <u>cử nhân trở lên</u> thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.” 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ “Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm” 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp “i) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) <u>tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.</u>” “g) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên <u>tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.</u>” 5. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: “Điều 7. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học 1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm chức danh nghề

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	đối với giáo viên tiểu học hạng II chưa đạt tiêu chuẩn vào giáo viên tiểu học hạng III và bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học đã trúng tuyển đối với giáo viên tuyển mới sau khi hết thời gian tập sự, được đánh giá đạt yêu cầu. 6. Về điều khoản chuyển tiếp: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Quy định giáo viên chưa đáp ứng điều kiện thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. - Quy định giáo viên chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, nhưng không thuộc đối tượng nâng chuẩn của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi nghỉ hưu.	<i>nghiep giáo viên tiểu học quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT như sau:</i> <i>a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) đối với giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29);</i> <i>b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) đối với giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29);</i> <i>c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) đối với giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) có tổng thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) và hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự).</i> <i>2. Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi được xác định là người trúng tuyển trong kì thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng II lên hạng I.”</i> 6. Về điều khoản chuyển tiếp: “Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp <i>1. Trường hợp giáo viên tiểu học chưa đáp ứng điều kiện để được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện đang được xếp theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.</i> <i>2. Trường hợp giáo viên tiểu học chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục 2019 nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh giáo viên tiểu học hiện đang được xếp cho đến khi nghỉ hưu.”</i>

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	7. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 10, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp. - Giảm thời gian giữ CDNN giáo viên hạng III đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II. - Xác định một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học.	7. Về điều khoản áp dụng: “Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc giữ ngạch giáo viên tiểu học cao cấp (mã số 15a.203) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28). 2. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) hoặc giữ ngạch giáo viên tiểu học (mã số 15.114) hoặc giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) hoặc giữ ngạch giáo viên tiểu học chính (mã số 15a.204) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục 2019. 3. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. 4. Một số trường hợp giáo viên <u>đang giảng dạy</u> được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học bao gồm: a) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Tin học và Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Tin học hoặc Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Tin học, Công nghệ, Kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật công nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; b) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Nghệ thuật hoặc Âm nhạc hoặc Mỹ thuật hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	9. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 11, xác định Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT không là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11, không yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	9. Về tổ chức thực hiện: <i>“1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên tiểu học trong các trường tiểu học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.”</i> <i>“a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên tiểu học trong trường tiểu học công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp.”</i>

III. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập (Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN). - Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5: về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hạng CDNN. 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp <i>“Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp</i> <i>Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục trung học cơ sở.</i> <i>Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh.</i> <i>Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.</i> <i>Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.”</i> 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	dưỡng: - Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 5, không còn quy định chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo từng hạng, chỉ còn 01 chứng chỉ dùng chung cho tất cả các hạng CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 5, không còn yêu cầu trình độ thạc sỹ đối với giáo viên trung học cơ sở hạng I. 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: sửa đổi điểm h khoản 4 Điều 3, điểm h khoản 4 Điều 4, điểm h khoản 4 Điều 5, , thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số. 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm k khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. - Sửa đổi điểm k khoản 4 Điều 5, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết	- “b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.” - “a) Có bằng <u>cử nhân trở lên</u> thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.” 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: “Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.” 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp “k) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc tương đương đủ từ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.” “k) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	thời hạn nộp hồ sơ. 5. Về nhiệm vụ của giáo viên hạng I: Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 5, điều chỉnh hình thức “<i>dạy học trực tuyến</i>” thành “<i>dạy học trên truyền hình</i>”. 6. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở: sửa đổi toàn văn Điều 7, trong đó bổ nội dung bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trung học cơ sở hạng II chưa đạt tiêu chuẩn vào giáo viên trung học cơ sở hạng III và bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở đã trúng tuyển đối với giáo viên tuyển mới sau khi hết thời gian tập sự, được đánh giá đạt yêu cầu. 7. Về điều khoản chuyển tiếp: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Quy định giáo viên chưa đáp ứng điều kiện thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng	(mã số V.07.04.31) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.” 5. Về nhiệm vụ của giáo viên hạng I: “b) Làm báo cáo viên, chia sẻ kinh nghiệm hoặc dạy minh họa ở các lớp tập huấn, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên từ cấp huyện trở lên hoặc tham gia <u>dạy học trên truyền hình</u>.” 6. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở: “Điều 7. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở 1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT như sau: a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) đối với giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32); b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) đối với giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) có tổng thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) và hạng II (mã số V.07.04.11) hoặc tương đương đủ từ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự); c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) đối với giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10).” 7. Về điều khoản chuyển tiếp: “Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Trường hợp giáo viên trung học cơ sở chưa đáp ứng điều kiện để được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hiện đang được xếp theo Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	chức danh nghề nghiệp. - Quy định giáo viên chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, nhưng không thuộc đối tượng nâng chuẩn của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi nghỉ hưu. 7. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 10, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp. - Giảm thời gian giữ CDNN giáo viên hạng III đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II. - Xác định một số trường hợp giáo viên	nghiep. 2. Trường hợp giáo viên trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục 2019 nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh giáo viên trung học cơ sở hiện đang được xếp cho đến khi nghỉ hưu.” 7. Về điều khoản áp dụng: “Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10) hoặc giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30). 2. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) hoặc giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở chính (mã số 15a.201) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31). 3. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) hoặc giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở theo Luật Giáo dục 2019. 4. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) nếu đã có bằng thạc sĩ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học cơ sở hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. 5. Một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở. 9. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 11, xác định Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT không làm căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11, không	được đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở bao gồm: a) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Lịch sử và Địa lý có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Lịch sử hoặc Địa lý hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Lịch sử, Địa lý. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; b) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Khoa học tự nhiên có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Khoa học tự nhiên hoặc Vật lý hoặc Hóa học hoặc Sinh học hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Khoa học tự nhiên, Vật lý, Hóa học, Sinh học. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; c) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; d) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Nghệ thuật hoặc Âm nhạc hoặc Mỹ thuật hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.” 9. Về tổ chức thực hiện: “1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên trung học cơ sở trong các trường trung học cơ sở công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.” “a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học cơ

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2021/TT- BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	<i>sở trong trường trung học cơ sở công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp.”</i>

IV. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập (Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 04/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hạng chức danh nghề nghiệp. - Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hạng CDNN. 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 5, không còn quy định chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo từng hạng, chỉ còn 01 chứng chỉ dùng chung cho tất cả các hạng CDNN. 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: sửa đổi điểm k khoản 4 Điều 3, điểm g khoản 4 Điều 4, điểm g khoản 4 Điều 5, thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số.	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp “Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp 1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục trung học phổ thông. 2. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh. 3. Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. 4. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.” 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: <i>“b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.”</i> 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: <i>“Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm”</i>

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 04/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm i khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. Sửa đổi điểm i khoản 4 Điều 5, , điều chỉnh thời gian giữ hạng II tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. 5. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp. - Giảm thời gian giữ CDNN giáo viên hạng III đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II. - Xác định một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo	4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp <i>“i) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) <u>tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ</u> đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”</i> <i>“i) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên <u>tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ</u> đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”</i> 5. Về điều khoản áp dụng: “Điều 9. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên trung học phổ thông giữ hạng I, hạng II, hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV tương đương với thời gian giữ hạng I, hạng II, hạng III quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112) được xác định là tương đương với thời gian giáo viên giữ hạng II (mã số V.07.05.14). Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học (mã số 15.113) được xác định là tương đương với thời gian giáo viên giữ hạng III (mã số V.07.05.15). 2. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) nếu đã có bằng thạc sĩ, đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học phổ thông hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. 3. Một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học phổ thông bao gồm: a) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 04/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	đổi với giáo viên trung học phổ thông. - Giáo viên trung học phổ thông đã bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV không cần phải ban hành quyết định thay thế. 6. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 10, xác định Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT không là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 10, không yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	<i>tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;</i> <i>b) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Giáo dục Công dân hoặc Giáo dục Chính trị hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</i> <i>4. Các quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV tiếp tục được sử dụng và không cần phải ban hành quyết định thay thế.”</i> 6. Về tổ chức thực hiện: <i>“1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT là căn cứ thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ giáo viên trung học phổ thông trong các trường trung học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.”</i> <i>“a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học phổ thông trong trường trung học phổ thông công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp.”</i>